

Số: 2574/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 01 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt giá khởi điểm tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất khu đất khu đất BT7, BT8, DN2 (30 thửa) thuộc dự án Trung tâm hành chính và khu đô thị mới thị xã Phước Long**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư số 77/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ trưởng Bộ Tư Pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;*

*Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024;*





Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 668/TTr-STNMT ngày 24/9/2021.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt giá khởi điểm tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất khu đất khu đất BT7, BT8, DN2 (30 thửa) thuộc dự án Trung tâm hành chính và khu đô thị mới thị xã Phước Long, cụ thể như sau:

**1. Mục đích định giá đất:** Xác định giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất.

**2. Thông tin về khu đất cần định giá**

- Khu đất tọa lạc tại phường Long Phước, thị xã Phước Long.
- Tổng diện tích: 18.478 m<sup>2</sup>.
- Tổng số thửa: 30 thửa.
- Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị.

**3. Kết quả xác định giá đất**

a) Tổng giá trị khu đất: 145.633.250.200 đồng. (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm tỷ, sáu trăm ba mươi ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn, hai trăm đồng)

b) Bảng tổng hợp giá khởi điểm

STT	Ký hiệu	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (đồng)
<b>A. Cụm BT7, tiếp giáp với đường Phan Đình Giót (lộ giới 20m)</b>		<b>971,5</b>		<b>8.749.329.000</b>
1	BT7.1 (02MT)	971,5	9.006.000	8.749.329.000
<b>B. Cụm DN2, tiếp giáp đường Phan Đình Giót (lộ giới 20m).</b>		<b>5.706,1</b>		<b>44.597.622.400</b>
2	DN2.4	623,6	7.632.000	4.759.315.200
3	DN2.5	626,6	7.632.000	4.782.211.200
4	DN2.6	626,7	7.632.000	4.782.974.400
5	DN2.7	627,5	7.632.000	4.789.080.000
6	DN2.8	628,0	7.632.000	4.792.896.000
7	DN2.9	628,3	7.632.000	4.795.185.600
8	DN2.10	628,9	7.632.000	4.799.764.800
9	DN2.11	629,3	7.632.000	4.802.817.600
10	DN2.12 (02MT)	687,2	9.158.000	6.293.377.600
<b>C. Cụm BT8</b>		<b>11.800,4</b>		<b>92.286.298.800</b>
<b>I. Các thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường nhựa (lộ giới 20m).</b>		<b>5.929,6</b>		<b>46.422.492.400</b>

11	BT8.1	630,8	9.158.000	5.776.866.400
12	BT8.2	540,7	7.255.000	3.922.778.500
13	BT8.3	540,7	7.255.000	3.922.778.500
14	BT8.4	540,1	7.255.000	3.918.425.500
15	BT8.5	540,3	7.255.000	3.919.876.500
16	BT8.6	540,1	7.255.000	3.918.425.500
17	BT8.7	540,3	7.255.000	3.919.876.500
18	BT8.8	540,3	7.255.000	3.919.876.500
19	BT8.9	540,3	7.255.000	3.919.876.500
20	BT8.10 (02MT)	976,0	9.512.000	9.283.712.000
<b>II. Các thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường D1 (lộ giới 24m).</b>		<b>5.870,8</b>		<b>45.863.806.400</b>
21	BT8.11 (02MT)	916,8	9.512.000	8.720.601.600
22	BT8.12	540,5	7.255.000	3.921.327.500
23	BT8.13	540,1	7.255.000	3.918.425.500
24	BT8.14	540,3	7.255.000	3.919.876.500
25	BT8.15	540,3	7.255.000	3.919.876.500
26	BT8.16	540,2	7.255.000	3.919.151.000
27	BT8.17	540,0	7.255.000	3.917.700.000
28	BT8.18	540,5	7.255.000	3.921.327.500
29	BT8.19	540,5	7.255.000	3.921.327.500
30	BT8.20 (02MT)	631,6	9.158.000	5.784.192.800
<b>Tổng cộng</b>		<b>18.478,0</b>		<b>145.633.250.200</b>
<i>Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm tỷ, sáu trăm ba mươi ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn, hai trăm đồng</i>				

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Phước Long và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, phòng: KT, TH;
- Lưu: VT.(Trung)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

10/ CHỨC TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Nguyễn Anh Minh*